TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN N** **TỈNH NINH BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 22/2017/HNGĐ-ST
Ngày 15/8/2017
"V/v: Ly hôn do mâu thuẫn gia đình"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN N - TỈNH NINH BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Ngọc Bình.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/ Ông Tạ Khắc Nghĩa.

2/ Ông Lưu Danh sử.

- Thư ký phiên toà: Ông Bùi Quang Trung, Thư ký Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Hôm nay, ngày 15 tháng 8 năm 2017 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện N, tỉnh Ninh Bình. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 107/TLST-HNGĐ ngày 15 tháng 5 năm 2017 về việc "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXXST-DS ngày 13 tháng 7 năm 2017 và quyết định hoãn phiên tòa số 19/2017/QĐST-DS ngày 28/7/2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: chị Đinh Thị Mỹ L, sinh năm 1994; Địa chỉ: thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình;

2. Bị đơn: anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình.

Chị Liên có mặt; Anh Thúy vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện đề ngày 15/5/2017, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Đinh Thị Mỹ L trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Tôi và anh Nguyễn Văn T, sinh năm 1989; Địa chỉ: thôn T, xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình kết hôn với nhau, có đăng ký kết hôn ngày 30/5/2013, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình trên cơ sở hôn nhân tự nguyện; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống tại nhà bố, mẹ đẻ anh T ở xã L, huyện N được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng trong quan hệ dẫn đế vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau, vợ chồng đã sống ly thân một thời gian; sau đó được hai bên gia đình và chính quyền địa phương hòa giải vợ chồng lại quay về chung sống với nhau nhưng chỉ được một thời gian

ngắn lại phát sinh mâu thuẫn. Tôi đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Đ, xã C, huyện N, tỉnh Ninh Bình sinh sống khoảng gần 02 năm nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Nay, Tôi xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được; Vì vậy Tôi đề nghị Tòa án giải quyết cho Tôi được ly hôn với anh Nguyễn Văn T.

Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: vợ chồng Tôi không có nên Tôi không đề nghị Tòa án giải quyêt.

- Đối với anh Nguyễn Văn T: Mặc dù đã biết việc Tòa án nhân dân huyện N đã thụ lý giải quyết vụ án về việc chị Đinh Thị Mỹ L xin ly hôn với anh, nhưng anh T vẫn không gửi văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án đến Tòa án và cũng không có mặt theo giấy triệu tập của Tòa án.

Tại phiên tòa hôm nay: Chị L vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện của mình và đề nghị Tòa án giải quyết theo qui định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên toà và kết quả tranh luận tại phiên toà, xét thấy:

1. Về tố tụng:

- Về sự vắng mặt của anh Nguyễn Văn T: Sau khi thụ lý vụ án Tòa án nhân dân huyện N đã ra thông báo về việc thụ lý vụ án và gửi thông báo thụ lý vụ án cho anh T theo quy tại điều 196 Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án cũng đã triệu tập anh T, niêm yết thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và Hòa giải, nhưng anh T không có văn bản trả lời thông báo thụ lý vụ án và cũng không có ý kiến gì, không đến làm việc với Tòa án. Vì vậy Tòa án đã lập biên bản "Không hòa giải được" và quyết định đưa vụ án ra xét xử. Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 19/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 7 năm 2017 đã giao hợp lệ cho anh T, nhưng anh T vắng mặt không có lý do. Quyết định hoãn phiên tòa số 19/2017/QĐHPT ngày 28/7/2017 tiếp tục được niêm yết theo đúng qui định, nhưng anh T vẫn vắng mặt tại phiên tòa đến lần thứ hai không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án xét xử vắng mặt anh T.

- Về quan hệ pháp luật tranh chấp: đây là vụ án "Tranh chấp về ly hôn" theo khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

2. Về nội dụng khởi kiện:

- Về quan hệ hôn nhân: chị Đinh Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn T kết hôn với nhau trên cơ sở hôn nhân tự nguyện, đăng ký kết hôn ngày 30/5/2013, tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện N, tỉnh Ninh Bình đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

- Về yêu cầu khởi kiện: Chị L xác định sau khi kết hôn được một thời gian ngắn thì phát sinh mâu thuẫn; nguyên nhân mâu thuẫn là do tính tình không hợp, bất đồng trong quan hệ dẫn đế vợ chồng thường xuyên cãi chửi nhau, không tôn trọng nhau, hiện nay chị Liên đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ ở xã Cúc phương, huyện N, tỉnh Ninh Bình sinh sống khoảng gần 02 năm nay, vợ chồng cũng ly thân từ đó đến nay không còn quan tâm gì đến nhau. Anh T không có mặt tại Tòa án và không thể hiện ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện của chị L. Xét lời trình bày của chị L phù hợp với kết quả xác minh tại xã L, huyện N; Như vậy, có đủ chứng cứ để khẳng định: Tình cảm vợ chồng và đời sống chung giữa chị L và anh T không còn, mâu thuẫn đã trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị L là phù hợp với thực trạng diễn biến quan hệ hôn nhân giữa họ và phù hợp với pháp luật được quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

- Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Chị L xác định vợ chồng chị không có và không đề nghị Tòa án giải quyết; Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

Về án phí: Chị L phải chịu theo quy định của pháp luật là 300.000^{đ}.

Chị L, anh T có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ các điều 28, 147, 227 và 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình; Áp dụng điểm b khoản 1 Điều 24, điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH-14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Toà án.

1. Xử ly hôn giữa chị Đinh Thị Mỹ L và anh Nguyễn Văn T.

2. Về con chung, tài sản chung, công nợ chung: Chị L xác định vợ chồng chị không có và không đề nghị Tòa án giải quyết; Vì vậy, Hội đồng xét xử không xét.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm: chị Đinh Thị Mỹ L phải chịu là 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng). Được trừ vào số tiền 300.000^{đ} (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí chị L đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện N theo biên lai thu số AA/2013/0000445 ngày 15/5/2017.

Án xử công khai sơ thẩm chị L có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết./.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có

quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi gửi:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Bình;
- VKSND huyện N;
- Chi cục THADS huyện N;
- UBND xã (C, L);
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà
(Đã ký)
Nguyễn Ngọc Bình